TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **485**/2022/HNGĐ-ST Ngày: 16/8/2022. V/v "Tranh chấp ly hôn".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phước Mãng.

2. Ông Phạm Thành Nhơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên toà*:* Bà Trương Thị My Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2022 về việc: "Tranh chấp về ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐST-HPT ngày 19/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị L, sinh năm 1990;

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố N, phường I, thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ tạm trú: 1.25 Chung cư U, đường O, phường M, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Hồ Đ, sinh năm 1991.

Địa chỉ tạm trú: Số 43/4A7 đường L, phường M, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lê Thị L có mặt; Ông Hồ Đ vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2021; Bản tự khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là bà Lê Thị L trình bày:*

Bà và ông Hồ Đ tự nguyện chung sống với nhau năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 1, ngày 13/3/2012).

Sau khi cưới, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp về tính cách. Sau đó, vợ chồng bà được gia đình hai bên hòa giải nên tiếp tục chung sống. Đến đầu năm 2021, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn gay gắt do ông Đ thường xuyên chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với vợ con, không phụ giúp bà về kinh tế. Bà có khuyên ông Đ thay đổi nhưng không có kết quả. Ngoài ra, trong quá trình chung sống, ông Đ nhiều lần đánh đập, gây thương tích cho bà, thậm chí ông Đ còn đánh bà trước mặt các con, gây ảnh hưởng tâm lý rất lớn cho các cháu. Bà L đã từng 02 lần phải nhập viện cấp cứu, điều trị thương tích do ông Đ gây ra. Tuy nhiên, hiện nay bà L không còn lưu giữ tài liệu liên quan đến việc nhập viện cũng như điều trị thương tích. Bà L xác định vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình nên bà không trình báo, phản ánh gì về mâu thuẫn gia đình hay việc ông Đ có hành vi bạo hành đối với bà đến chính quyền địa phương hay tổ dân phố nơi vợ chồng bà cư trú. Bà và ông Đ đã ly thân từ tháng 11 năm 2021 đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Đ, không thể tiếp tục chung sống, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Bà và ông Hồ Đ có 02 con chung tên là Hồ Hoàng G, sinh ngày 17/11/2012 và Hồ Hoàng A, sinh ngày 12/8/2017. Bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung cho đến khi thành niên. Bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là ông Hồ Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.*

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn là bà Lê Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

- Bị đơn là ông Hồ Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:*

-Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến giai đoạn xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, đảm bảo thời hạn xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét

xử và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 không có kiến nghị gì;

-Về nội dung:

Bà L và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn gay gắt do ông Đ đam mê cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, nhiều lần bạo hành bà L. Nay bà L xác định không còn tình cảm với ông Đ, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của bà L và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà L có yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng; Ý kiến của con chung là trẻ Hồ Hoàng G là muốn sống chung với mẹ; ông Hồ Đ không có ý kiến nên chấp nhận giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Lê Thị L về việc yêu cầu ly hôn đối với ông Hồ Đ.

Về con chung: Giao trẻ Hồ Hoàng G, sinh ngày 17/11/2012 và Hồ Hoàng A, sinh ngày 12/8/2017 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Án phí do đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.] Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là ông Hồ Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Hồ Đ là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Hồ Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, theo nguyên đơn là bà Lê Thị L trình bày vợ chồng bà sống không hạnh phúc do không hòa hợp về tính cách, nhưng đã được gia đình hòa giải nên vợ chồng đã hàn gắn tình cảm; Từ đầu năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gay gắt do ông Đ thường xuyên chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với vợ con, không phụ giúp bà về kinh tế. Bà L đã khuyên ông Đ thay đổi nhưng không có kết quả. Ngoài ra, trong quá trình chung sống, ông Đ nhiều lần đánh đập, gây thương tích cho bà L, thậm chí ông Đ còn đánh bà L trước mặt các con, gây ảnh hưởng tâm lý rất lớn cho các cháu. Bà L đã từng 02 lần phải nhập viện cấp cứu, điều trị thương tích do ông Đ gây ra.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông Đ là trầm trọng, trong quá trình giải Tòa án đã triệu ông Đ nhiều lần để hòa giải, tạo điều kiện cho vợ chồng bà L, ông Đ tìm biện pháp hợp lý để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, giúp gia đình đoàn tụ nhưng ông Đ không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, nên Tòa án không hòa giải được. Tại các phiên tòa sơ thẩm, ông Đ đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ ông Hồ Đ không còn tha thiết việc hòa giải đoàn tụ với với bà Lê Thị L.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bị đơn từ chối việc tham gia hòa giải nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

Về con chung: Bà Lê Thị L và ông Hồ Đ có 02 con chung tên là Hồ Hoàng G, sinh ngày 17/11/2012 và Hồ Hoàng A, sinh ngày 12/8/2017. Theo nguyện vọng của con từ đủ 7 tuổi (trẻ Hồ Hoàng G) là được chung sống với mẹ vì mẹ chăm sóc tốt hơn cha. Mặt khác, theo bà L trình bày các con do bà chăm sóc từ nhỏ và trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì các con do bà chăm sóc, ông Hồ Đ không thăm nom con, không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà L có công việc và thu nhập ổn định nên đủ khả năng nuôi hai con chung. Vì vậy, việc bà Lê Thị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung cho đến khi thành niên là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị L tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.] Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị L đối với ông Hồ Đ;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị L và ông Hồ Đ chấm dứt; Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 1, ngày 13/3/2012 do Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho bà Lê Thị L và ông Hồ Đ không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên là Hồ Hoàng G, sinh ngày 17/11/2012 và Hồ Hoàng A, sinh ngày 12/8/2017 cho đến khi thành niên.

Ông Hồ Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với mẹ. Ông Hồ Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trường hợp ông Hồ Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Lê Thị L thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Đ.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị L tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011756 ngày 06/01/2022 của Chi Cục Thi hành án Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ghi nhận bà Lê Thị L đã đóng đủ tiền án phí.

5. Bà Lê Thị L có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Hồ Đ có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tú